TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS-PT
Ngày: 03/4/2023
"V/v: Tranh chấp QSDĐ & chia thừa kế tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nam

Các thẩm phán: 1- Ông Nguyễn Văn Tính

2- Ông Nguyễn Thanh Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 27 tháng 3 và ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 48/2022/TLPT-DS ngày 16/11/2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và chia thừa kế tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DSST ngày 08/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1935 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn Ph, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ph:

+ Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1973 (Có mặt);

Trú tại: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

+ Chị Lê Thị V, sinh năm 1968 (Có mặt);

Trú tại: Thôn C, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Văn Tr, thuộc Công ty Luật Công Minh, đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh:

Bị đơn: Anh Lê Đình Đ(Hải), sinh năm 1963 (Có mặt ngày 10 và 27/3 vắng mặt ngày 03/4/2023);

Trú tại: Thôn Ph, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đ: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1965 (Có mặt ngày 10 và 27/3 vắng mặt ngày 03/4/2023);

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ng, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

2. Chị Lê Thị V, sinh năm 1965 (vắng mặt);

3. Chị Lê Thị S(Đây), sinh năm 1979 (vắng mặt);

4. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Th: Anh Lê Đình Đ, sinh năm 1963 (có mặt);

5. Anh Lê Đình Qu, sinh năm 1971 và chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn Ph, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

6. Chị Lê Thị V, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

7. Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

8. Chị Lê Thuý S, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 9, ngõ 132, phường Qu, quận C, TP. Hà Nội;

9. UBND huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ: TT.Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đại Đ, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài Nguyên và môi trường huyện Tiên Du (vắng mặt);

Những người có kháng cáo: Bà Phạm Thị Ph và anh Lê Đình Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1935 lấy ông Lê Đình Ngọc, sinh năm 1938 (mất năm 2007). Ông bà sinh được 08 người con: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1959; Anh Lê Đình Đ(Hải), sinh năm 1963; Chị Lê Thị V, sinh năm 1965; Chị

Lê Thị V, sinh năm 1968; Anh Lê Đình Qu, sinh năm 1971; Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1973; Chị Lê Thuý Sau, sinh năm 1976 và chị Lê Thị S(Đây), sinh năm 1979. Ông bà không nhận ai làm con nuôi, không làm con nuôi nhà ai.

Anh Lê Đình Đ, kết hôn khoảng năm 1981-1983; với vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1965; sinh được 2 người con Lê Thị Hạnh, sinh năm 1983 (đã chết 2022); cháu Lê Đình Hoàng (Thành), sinh năm 1985; đã chết 2006.

Anh Lê Đình Qu, kết hôn với vợ là chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1969 vào năm 1989; sinh được 02 cháu là Lê Đình Ơn, sinh năm 1990 và chị Lê Thị Huệ, sinh năm 1992; đã lập gia đình hiện ở Phúc Nghiêm, Phật Tích.

Ông Ng chết năm 2007 không để lại di chúc, tài sản ông Ng bà Ph tạo dựng được như sau: Một phần đất nằm trong thửa số 11, tờ bản đồ 03, diện tích 1074m^2 mang tên ông Lê Đình Đvà toàn bộ thửa đất số 10, tờ bản đồ 03, diện tích 672m^2 mang tên anh Lê Đình Qu.

Tài sản của ông bà có nguồn gốc mua của ông Nguyễn Trọng Tin, vợ là Đỗ Thị Khánh (540m^2) vào năm 1963; mua của ông Phiệt hiện đã chết, mua của ông Bàng đã chết, bà Lánh, bà Thưởng đều đã chết, diện tích cụ thể bao nhiêu không rõ. Khi mua hai bên không đo đếm nên không biết tổng diện tích cụ thể là bao nhiêu mét nhưng khoảng hơn 1.000m^2.

Thửa đất đang tranh chấp với anh Đ hiện nay có số thửa 16, tờ bản đồ 18 diện tích đo đạc thực tế 1.118,8m^2 (năm 2003 là thửa số 11, tờ bản đồ 03 diện tích 1.074m^2 gọi tắt là thửa đất số 11); hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) mang tên anh Lê Đình Đ, từ năm 1997. Được tách ra từ thửa đất to của ông Ng và bà Ph sau đó ông Ng tự tách cho anh Đ và anh Qu.

Khi phân chia đất cho anh Đ và anh Qu thì bà Ph không biết, các cô con gái của ông bà không biết, phân chia không có văn bản gì. Ông Ng cũng không bàn bạc với ai, không họp gia đình. Đến năm 2010, do anh Đ định bán đất thì bà Ph và các chị mới biết việc anh Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Ph không cho anh Đ bán đất, anh Đ và chị Th định đánh và chửi bà Ph. Gia đình có ý định đi khởi kiện tuy nhiên vì trong thời gian đó gia đình hoà giải, xem anh Đ có xin lỗi bà Ph không; nhưng sau đó gia đình không thoả thuận được. Năm 2012 anh Đ đòi bán toàn bộ thửa đất thì bà Ph không đồng ý, anh Đ đã đưa cho bà xem giấy chứng nhận quyền sử đất mang tên anh Đ và có thái độ không đúng với bà Ph. Bà Ph đã lên UBND xã hỏi thì được biết thửa đất của bà Ph ông Ng đã được tách cho anh Đ và anh Qu.

Trong diện tích 1.074m^2 thì có 877m^2 là của ông bà, còn 197m^2 là do vợ chồng anh Đ, chị Th mua thêm của hợp tác xã phần phía đông của thửa đất, giáp

với bờ kênh, nguồn tiền của anh Đ, chị Th còn trên giấy tờ bàn giao đất là tên ông Ng. Từ năm 1995-2000 bà Ph không đi đâu xa, đi xa nhất là ra thành phố Hà Nội nhà chị Sau con gái chơi một vài ngày rồi về. Ngoài ra còn có các chị Vân, chị Sinh, sinh sống ở cùng thôn nhưng không biết việc ông Ng cho anh Đ anh Qu đất. Việc cấp giấy chứng nhận cho anh Đ đến nay theo bà được biết thông báo chỉ được công khai, niêm yết tại UBND xã và tại nhà ông Ngô Đắc Tâm, cán bộ địa chính xã (Thôn Ngô Xá, xã Phật Tích) khác thôn, việc thông báo qua loa…bà Ph không biết, không nghe được và các cô con gái không biết việc ông Ng cho anh Đ anh Qu đất.

Sau khi anh Đ lập gia đình ông bà xây dựng 01 ngôi nhà 3 gian, sau này anh Đ chị Th đã sửa chữa lại 2 lần vào thời gian nào bà không nhớ và ngoài ra ông Ng và bà Ph còn trồng ít cây cối. Các tài sản đều là của vợ chồng anh Đ chị Th, gồm 01 ngôi nhà gồm 1 gian trần và 3 gian ngói, khu công trình phụ, cấy cối; 01 phần của xưởng của anh Lê Đình Cường, sinh năm 1979; ở Phúc Nghiêm, Phật Tích mượn của anh Đ. Phần đất ao trước nhà do vợ chồng anh Đ, chị Th tân lấp toàn bộ, sau này đã trồng cây; phần tường bao giáp nhà anh Qu do anh Đ xây năm 2020 hai anh em đã thống nhất mốc đường ranh giới hai nhà là từ đầu hồi nhà anh Đ kéo đến giáp nhà ông Tự, cách cây bưởi 1,5m (có phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất). Bà Ph có thời gian ở cùng trên thửa đất của anh Đ, ông Ng trước đây có thời gian ở trên phần đất của anh Qu, có thời gian ở trên đất của anh Đ trước khi mất, sau đó lại lên ở trên đất nhà anh Qu, khi ông chết anh Đ lại đón xuống lo đám tang tại nhà anh Đ. Quá trình ở trên đất bố mẹ anh là người đóng thuế, từ khi anh Đ chị Th ở thì anh chị đóng thuế.

Thửa đất có diện tích 1.074m^2, tuy nhiên bà đã được thông báo kết quả đo đạc thực tế là 1.118,8m^2; tăng 44,8m^2, trong đó 15,2m^2 do có sự sai lệnh trong việc đo đạc 29,6m^2 là do anh Đ lấn chiếm, không phù hợp với quy hoạch, phần tăng tự nhiên không tranh chấp với ai, còn phần anh Đ lấn chiếm không phù hợp anh Đ phải trả Nhà nước khi có yêu cầu bà không có ý kiến yêu cầu gì, bà yêu cầu chia theo số liệu 877m^2. Bà đã được thông báo kết quả định giá bà nhất trí không có ý kiến gì.

Theo đơn khởi kiện bà Ph yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Đình Đphải trả lại phần đất của bà có diện tích là 537m^2 nằm trong thửa đất số 11, diện tích 1.074m^2 mang tên ông Lê Đình Đ, để bà xây nhà ở, vì hiện tại bà đã tuổi cao sức yếu không có nơi nào để an nghỉ tuổi già. Quá trình làm việc bà và các chị thống nhất số 537m^2 bao gồm diện tích đất của bà Ph trong số tài sản chung của ông bà

là (877m^2/2= 438,5m^2) và phần chia di sản của ông Ng theo quy định pháp luật mà bà được hưởng.

Vì vậy ngày 06/5/2022, bà Ph có yêu cầu khởi kiện bổ sung: Đề nghị chia tài sản thừa kế của ông Lê Đình Ngọc để lại là ½ khối tài sản chung của ông bà là 438,5m^2, tại thửa đất số 11.

Tại phiên toà ngày 31/8/2022 các chị đề nghị Huỷ GCNQSDĐ đã cấp cho anh Đ. Phần đất ông Ng cho anh Qu bà và các chị không có ý kiến gì trong vụ án này. Ngoài ra bà và các chị không có ý kiến yêu cầu gì khác.

*** Phía bị đơn anh Lê Đình Đtrình bày:**

Anh thừa nhận thành phần gia đình như bà Ph và các chị em anh trình bày là đúng.

Anh kết hôn với vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1965 vào năm 1982; sinh được 2 người con Lê Thị Hạnh, sinh năm 1983 (chết năm 2022); Lê Đình Hoàng (Thành), sinh năm 1985 đã chết 2006.

Bố anh chết năm 2007 không để lại di chúc, tài sản bố mẹ anh tạo dựng được như sau: Một phần đất nằm trong thửa số 11 và toàn bộ thửa đất số 10, tờ bản đồ 03, diện tích 672m^2 mang tên anh Lê Đình Qu.

Một phần thửa đất số 11 hiện đang tranh chấp là do ông Ng - bố anh cho anh năm 1995, ngoài ra còn cho anh Qu diện tích 672m^2, việc phân chia là công khai rõ ràng, tuy nhiên phân chia tài sản, không có văn bản gì, cho chỉ nói miệng. Bà Ph mẹ anh có biết nhưng không nói gì, bà Ph ở trong làng không mấy khi đi đâu xa, anh Qu biết, ngoài ra còn có ông Nguyễn Nhân Tự, sinh năm 1949; Bí thư thôn, ông Ngô Đắc Tâm, sinh năm 1952 là cán bộ địa chính xã biết. Sau đó bố anh đi làm GCNQSDĐ đất cho anh và anh Qu, trường hợp anh tự ý đi làm thì chỉ anh được cấp GCNQSDĐ còn anh Qu thì không, nhưng bố anh công khai cho cả hai anh em. Thửa đất trên đã được cấp GCNQSDĐ mang tên ông Lê Đình Đtừ năm 1997 với diện tích gồm 877m^2 bố mẹ anh cho và 197m^2 vợ chồng anh bỏ tiền ra mua tuy nhiên giấy tờ tên bố anh, việc này cả gia đình đều biết. Thời điểm cấp GCNQSDĐ anh có làm đơn xin cấp đất, sau đó mọi thủ tục thì bố anh đi làm giúp, các cấp, ban ngành, của thôn, xã…đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định pháp luật, theo luật đất đai năm 1993 và các văn bản hướng dẫn; có sự đồng ý của bố anh chỉ đo đạc thì mới có thể làm được, việc cấp GCNQSDĐ đồng loạt theo chủ trương của UBND huyện cho các hộ có nhu cầu trên địa bàn xã Phật Tích. Anh là người đóng thuế từ năm 1997 đến nay.

Tài sản trên đất: Năm 1982 vợ chồng anh kết hôn, sau đó năm 1983 thì vợ chồng anh ra ở trên thửa đất số 11, bố mẹ anh làm cho 3 gian nhà cấp 4, lâu ngày mục nát anh đã phá đi. Năm 1990 vợ chồng anh xây 03 gian nhà ngói (bố

mẹ anh còn cho tiền gỗ làm khung nhà) sau này anh sửa lại 2 lần, lần 1 anh không nhớ khoảng trước năm 2000, lần cuối là năm 2015 thành ngôi nhà 3 gian như hiện nay. Năm 1991 vợ chồng anh xây dựng 01 gian nhà trần, khu chăn nuôi. Năm 2006 xây dựng công trình phụ (nhà ăn, nhà vệ sinh…). Ngoài ra vợ chồng anh trồng các loại cây lâu năm từ năm 2018, tân lấp ao…

Bố mẹ anh ở trên phần đất của anh Qu; ông Ng bà Ph không có thời gian nào ở trên đất của vợ chồng anh, chỉ khi ông Ng mất thì xuống nhà anh lo đám tang. Khi gia đình hoà thuận cả gia đình đều biết việc bố anh cho anh và anh Qu đất, đến khi gia đình không hoà thuận năm 2010 bà Ph bắt đầu đi kiện đòi tài sản và chia thừa kế.

Anh đã được thông báo kết quả thẩm định, diện tích thửa đất số 11 hiện nay 1.118,8m^2, tăng 44,8m^2, trong đó 15,2m^2 do có sự sai lệnh trong việc đo đạc, 29,6m^2 là do anh sử dụng phần đất phía tây bắc và phía đông nam; không phù hợp với quy hoạch phần tăng tự nhiên không tranh chấp với ai do đo đạc anh được hưởng, còn phần anh sử dụng của Nhà nước, khi nào Nhà nước dùng anh tự nguyện trả.

Trên phần đất của anh có 01 phần của xưởng của anh Lê Đình Cường, sinh năm 1979; ở Phúc Nghiêm, Phật Tích; anh Cường mượn, nhờ của anh khoảng 20cm-30cm, khi nào anh đòi anh Cường sẽ trả ngay, anh không yêu cầu gì.

Đối với việc ranh giới giữa anh và anh Qu, hai anh em đã thống nhất và anh đã xây tường bao giáp nhà anh Qu (có phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất).

Trên đất của vợ chồng anh hiện nay chỉ có vợ chồng anh ở, con gái và con trai anh hiện đã mất, không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của vợ chồng anh.

Nay bà Ph yêu cầu khởi kiện như trên anh không nhất trí bởi vì: Bố anh đã cho anh thửa đất trên từ năm 1995, bà Ph và gia đình có biết không có ý kiến gì, đến năm 1997 anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Đối với phần đất bố anh đã cho anh Qu anh không có ý kiến gì. Ngoài ra anh không có ý kiến gì khác.

***Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án chị Th trình bày**: Chị nhất trí với quan điểm của chồng chị, chị uỷ quyền cho anh Đ tham gia tố tụng tại Toà án, mọi ý kiến của anh là ý kiến của chị. Ngoài ra chị không có ý kiến yêu cầu gì khác.

***Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Vắng, chị Đến, chị Sinh (Đây), chị Thạch trình bày:**

Với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan các chị có ý kiến như sau: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ph thì các chị nhất trí. Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, tại các buổi hoà giải và tại các phiên toà trước các chị không yêu cầu giải quyết, không chia di sản, cũng như không nhận tài sản trong vụ án này. Tuy nhiên tại phiên toà các chị nhất trí với yêu cầu của bà Ph, các chị yêu đề nghị huỷ GCNQSDĐ đã cấp cho anh Đ, yêu cầu chia di sản của ông Ng, các chị xin lấy bằng hiện vật. Còn phần ông Ng cho anh Qu các chị không có ý kiến gì trong vụ án này. Ngoài ra các chị không có ý kiến yêu cầu gì khác.

***Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Qu, chị Vang trình bày:**

Anh thừa nhận thành phần gia đình như bà Ph và các chị em trình bày là đúng. Anh kết hôn với vợ là chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1969 vào năm 1989; sinh được 02 cháu là Lê Đình Ơn, sinh năm 1990 và chị Lê Thị Huệ, sinh năm 1992; đã lập gia đình hiện ở Phúc Nghiêm, Phật Tích. Bố anh chết năm 2007 không để lại di chúc, tài sản bố mẹ anh tạo dựng được có như sau:

Tài sản thứ nhất: Thửa đất hiện đang tranh chấp giữa bà Ph và anh Đ một phần có nguồn gốc là của bố mẹ anh; ông Ng cho anh Đ vào năm 1995; khi cho không làm văn bản gì, ông Ng nói rõ là vợ chồng anh Đ phải có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng bà Ph và có trách nhiệm với các anh chị em trong gia đình. Bà Ph có biết nhưng không nói gì, bà Ph ở trong làng không mấy khi đi đâu xa, anh Đ biết, ngoài ra còn có ông Nguyễn Nhân Tự và ông Ngô Đắc Tâm. Thửa đất đang tranh chấp là thửa số 11, hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Đình Đtừ năm 1997. Được tách ra từ thửa đất to của ông Ng và bà Ph, 1 phần cho anh Đ có diện tích 877 m^2 còn 1 phần cho anh có diện tích 672 m^2. Ngoài ra anh Đ có mua thêm đất của địa phương để được diện tích như hiện nay.

Thửa đất thứ 2: Thửa đất có diện tích 672 m^2 cũng tại Phúc Nghiêm, xã Phật Tích, hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh (Quay) được ông Ng tách ra cùng thời điểm cho anh Đ. Thửa đất của anh hiện nay cũng đã được GCNQSDĐ năm 1997.

Khi bố anh phân chia đất cho anh Đ và anh năm 1995 chỉ nói bằng miệng, không có văn bản gì. Hiện nay mốc giới của gia đình nhà anh và gia đình nhà Đá đã thống nhất đường ranh giới hai nhà là từ đầu hồi nhà anh Qu kéo đến giáp nhà ông Tự, cách cây bưởi 1,5m.

Nay mẹ anh yêu cầu khởi kiện tranh chấp đất với anh Đ anh không có ý kiến yêu cầu gì, anh xác định không liên quan. Còn phần đất bố mẹ anh cho anh

có diện tích 672 m^2, trường hợp mẹ anh đòi anh thì anh xin trả. Trong vụ án này mẹ anh không yêu cầu, không có tranh chấp với anh nên anh không có ý kiến gì.

Trong vụ án này anh và vợ con anh không có ý kiến gì nên đều xin được từ chối tham gia tố tụng, vắng mặt tại Toà án và các phiên toà. Ngoài ra anh chị không có ý kiến yêu cầu gì.

***Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án chị Vân, chị Sau trình bày:**

Đồng ý với lời trình bày của bà Phạm Thị Ph. Khi ông Ng phân chia đất thì bà Ph không biết, các chị không biết. Các chị xác định không yêu cầu, không đề nghị quyền lợi gì cho bản thân đối với thửa đất tranh chấp với anh Đ, chỉ đề nghị phần đất của bà Ph thì trả lại cho bà Ph. Chị Sau có ý kiến xin uỷ quyền cho chị Vắng, chị xin vắng mặt tại phiên toà. Ngoài ra các chị không có ý kiến yêu cầu gì.

*** Ý kiến của đại diện UBND huyện Tiên Du có trong hồ sơ vụ án:**

Theo hồ sơ lưu trữ tại UBND xã Phật Tích thể hiện: Thửa đất số 11, tờ bản đồ 03 được UBND huyện Tiên Sơn (nay là huyện Tiên Du) cấp năm 1997 mang tên ông Lê Đình Đ. Việc cấp giấy chứng nhận cho ông Đá được Hội đồng xét duyệt xã Phật Tích, theo biên bản xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/10/1997 và được công khai từ ngày 06/10/1997-16/10/1997.

Căn cứ vào Luật đất đai 1993 và các văn bản hướng dẫn thi hành tại thời điểm cấp giấy, việc cấp giấy cho ông Đá là đúng theo quy định pháp luật.

Đối với việc hợp thức hoá phần diện tích tăng thêm: Người sử dụng đất, sử dụng ngoài ranh giới được nhà nước cho phép được coi là hành vi lấn đất theo quy định tại khoản 1, điều 3 Nghị định 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong đất đai.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 235, 244, 262, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ điều 164, 167, 168, 170, 183, 195, 196, 197, 688, 689, điểm c khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015; Căn cứ các Điều 73, 79 Luật đất đai năm 1993; Căn cứ điều 71, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Án lệ 03/2016/AL được HĐTP TANDTC thông qua ngày 06/4/2016; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án; Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ph về việc đòi anh Lê Đình Đtrả lại đất và yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Lê Đình Ngọc, phần đất có diện tích 537m^2 nằm trong thửa đất số 11, tờ bản đồ số

03, diện tích 1.074m^2 đã được UBND huyện Tiên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Đình Đnăm 1997.

2. Chia cho bà Phạm Thị Ph được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 152,5m^2 tại thửa đất số 11, tờ bản đồ 03 tọa lạc tại thôn Phúc Nghiêm, xã Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; có tứ cận như sau: Bắc giáp anh Lê Đình Đ, Nam giáp ngõ xóm, ông Nghiêm Xuân Tự và Ngõ Xóm, Đông giáp đất tập thể, Tây giáp anh Lê Đình Qu. Tạm giao cho bà Ph phần đất có diện tích 17,2m^2 (Có sơ đồ chia đất kèm theo bản án)

Các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục, để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật.

3. Bà Phạm Thị Ph phải trích trả cho anh Lê Đình Đvà chị Nguyễn Thị Th số tiền là 366.600.000 đồng tiền đất và 2.250.000 đồng tiền giá trị cây, tổng số tiền là 368.910.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên cách tính lãi xuất khi chậm trả, tiền án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2022 anh Lê Đình Đlàm đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án đề nghị giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và ngày 20/9/2022 bà Phạm Thị Ph đã làm đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Đình Đ, chia lại thừa kế mảnh đất và hủy yêu cầu đền bù số tiền về các tài sản gắn liền với đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét năm 1997 anh Đ được cấp GCNQSDĐ là do chuyển nhượng từ ông Ng là chồng bà Ph, tại thời điểm đó không áp dụng Bộ luật dân sự năm 1995 là không phù hợp vì hợp đồng tặng cho không được công chứng, chứng thực, mặt khác khi ông Ng tặng cho anh Đ có điều kiện là phải chăm sóc bà Ph, nhưng anh Đ không chăn sóc bà Ph mà để cho bà Ph ở nay đây mai đó và tự chăm sóc bản thân là vi phạm nghĩa vụ do vậy cần buộc anh Đ trích trả cho bà Ph từ 250 đến 270m^2 đất.

Ông Thành là người đại diện theo ủy quyền của anh Đ không đồng ý với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đất mang tên anh Đ từ năm 1997 nên việc trích chia cho bà Ph 152,5m^2 và thanh toán bằng tiền là không hợp lý nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, ĐIều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, xử sửa bản án sơ thẩm về số tiền trích trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hò sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Ph, anh Lê Đình Đnộp trong hạn luật định nên chấp nhận để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên Tòa ngày 10/3/2023 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị hủy GCNQSD của anh Đ và đề nghị giám định chữ ký trong đơn xin cấp GCNQSDĐ, nên HĐXX đã ngừng phiên Tòa để xem xét các yêu cầu trên, nhưng sau đó chị Đến là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn lại có đơn đề nghị rút các yêu cầu trên nên HĐXX không xem xét giải quyết, còn đối với bị đơn cho rằng giá trị đất phải là 17 triệu/m^2 chứ không như giá trị định giá khi xét xử sơ thẩm và cho rằng ông Ng không mua đất của ông Tôn, ông Trường và một số người khác, nhưng anh Đ và người đại diện theo ủy quyền của anh Đã khônh làm đơn yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2] Về nội dung: Về nguồn gốc thửa đất số 11tờ bản đồ số 3 diện tích 1.074m^2 trong đó có 877m^2 là do bà Ph và ông Ng tạo dựng được; diện tích đất trên được tách ra từ thửa đất to của ông Ng và bà Ph cho anh Đ 877m^2 và anh Qu 672m^2; còn 197m^2 là do vợ chồng anh Đ chị Th mua thêm của Hợp tác xã năm 1996.

[2.1] Xét kháng cáo của anh Lê Đình ĐHội đồng xét xử thấy:

Năm 1982 anh Đ lấy vợ và đến năm 1983 thì vợ chồng anh Đ đã tách ra ăn riêng, ở riêng không còn chung hộ khẩu với gia đình ông Ng bà Ph và xây dựng nhà ở và các công trình kiên cố trên thửa đất được chia khi ông Ng còn sống, bà Ph không có ý kiến gì. Sau này bà Ph và ông Ng có ở cùng với vợ chồng anh Đ một thời gian trước năm 2007 ông Ng chết và sau đó bà Ph, ông Ng chuyển sang sinh sống trên nhà của ông bà cùng thửa đất cho vợ chồng anh Qu; khi ông Ng chết thì việc lo ma diễn ra ở nhà anh Đ.

Năm 1996, vợ chồng anh Đ đã mua thêm của thôn phần diện tích đất liền kề ở phía Đông của thửa đất là 197m^2 và sát nhập vào thửa đất của ông bà Ph

Ngọc cho anh thành diện tích 1.074m^2. Trong suốt quá trình ở anh Đ là người trực tiếp đóng thuế đối với Nhà nước, bà Ph đều không có ý kiến gì.

Sau khi chia đất cho hai anh em từ năm 1995, đến năm 1997 UBND huyện có chủ trương làm thủ tục GCNQSDĐ cho các hộ trên địa bàn huyện nói chung và xã Phật tích nói riêng thì anh Đ đã làm, ký đơn xin cấp GCNQSDĐ, còn mọi thủ tục sau đó ông Ng là người trực tiếp đi làm cho anh Đ. Quá trình anh Đ làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ thì UBND huyện Tiên Sơn đều tiến hành công khai hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật. Đến ngày 15/11/1997, anh Đ đã được UBND huyện Tiên Sơn cấp GCNQSDĐ đối với thửa số 11, tờ bản đồ số 03 với tổng diện tích là 1.074m^2 trong đó gồm cả phần đất vợ chồng anh Đ mua. Anh Qu cũng được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 672m^2 (là phần đất ông Ng đã chia cho anh Qu cùng thời điểm chia cho anh Đ). Sau khi vợ chồng anh Đ được cấp GCNQSDĐ thì ông Ng bà Ph vẫn ở cùng vợ chồng anh Đ một thời gian, sau đó sang ở cùng anh Qu; bà Ph không đi đâu xa. Đến năm 2007, ông Ng chết, bà Ph đang ở nhà anh Qu nhưng cũng không hề có thắc mắc, khiếu nại gì về việc vợ chồng anh Đ ở trên thửa đất của ông bà. Đến năm 2011, bà Ph mới có đơn yêu cầu xem xét việc cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Đ, theo bà Ph trình bày là do thời điểm này giữa vợ chồng anh Đ và bà có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng anh có thái độ không tôn trọng với bà, không chăm sóc, phụng dưỡng bà nên bà đòi lại phần diện tích đất trên. Đồng thời, trong suốt thời gian dài từ năm 1997 là thời điểm anh Đ được cấp GCNQSDĐ đến năm 2011, 2012 là thời điểm bà Ph đòi đất là 14-15 năm vợ chồng anh Đ sinh sống trên thửa đất, xây dựng tài sản kiên cố (nhà ngói, nhà trần, công trình phụ, tân lấp ao…) nhưng bà Ph không có ý kiến gì hay yêu cầu gì; Tuy nhiên trước khi ông Ng chia đất cho anh Đ đã nói rõ trách nhiệm của vợ chồng anh Đ là phải chăm sóc, nuôi dưỡng bà Ph và có trách nhiệm với các anh chị em trong gia đình, nhưng sau đó đã xảy ra mâu thuẫn giữa bà Ph và anh Đ, nên anh Đ đã không chăm sóc bà Ph, do vậy việc bà Ph đòi lại đất đối với phần diện tích của bà là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Ph thì Hội đồng xét xử thấy: Bà Ph hiện nay gần 90 tuổi già yếu, do mẹ con mâu thuẫn với nhau nhiều năm, bà Ph phải đi ở nhờ nhà các con gái và các con rể; hiện bà không đứng tên bất kỳ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào, không có chỗ ở ổn định; mặt khác khi ông Ng cho anh Đ đất cũng đã nói anh phải có trách nhiệm với bà Ph; tuy nhiên do mâu thuẫn nên anh Đ bỏ mặc bà, đạo làm con của anh Đ chưa làm tròn bổn phận của mình. Theo luật Hôn nhân và gia đình con cái phải nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, đặc biệt khi bố mẹ già yếu, ốm đau, bệnh tật,…Anh Đ được hưởng gần 1.000m^2 đất mà để bà Ph không có chỗ ở. Mặt khác xét nguồn

gốc đất anh Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần lớn là của bà Ph và ông Ng nên để bảo đảm quyền lợi cho người già, người cao tuổi, quyền được có chỗ ở ổn định, cho bà yên tâm sống những năm tháng cuối đời, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định cắt 1 phần đất của anh Đ chia cho bà Ph phần đất phía Nam của thửa đất; phần phía đông của thửa đất mới chia có chiều rộng 4m tính theo hồ sơ cấp giấy năm 1997; kéo dọc xuống phần đất Tây giáp nhà anh Qu; là phần đất không có nhiều tài sản giá trị của anh Đ để làm chỗ ở cho bà Ph là phù hợp. Tuy nhiên cấp sơ thẩm buộc bà Ph phải trích trả cho vợ chồng anh Đ số tiền là 366.600.000 đồng giá trị đất và và 2.250.000 đồng giá trị tiền cây cối lâu niên theo giá trong chứng thư thẩm định giá là không phù hợp. Bởi anh Đ đã bỏ mặc bà Ph không chăm sóc bà để bà phải đi ở với các con gái, con rể nên anh Đ vi phạm điều kiện tặng cho tài sản mà trước khi ông Ng cho anh Đ diện tích đất là 877m^2 nên phía bà Ph đòi lại phần diện tích đất của bà là 438,5m^2 trong tổng số 877m^2 là tài sản chung của ông Ng và bà Ph là có căn cứ để chấp nhận, tuy nhiện cũng xét thấy anh Đ có công tu tạo, đổ đất và quản lý tài sản từ năm 1997 cho đến nay nên cũng cần trích chia công sức cho anh Đ một phần diện tích trong diện tích 438,5m^2 của bà Ph được hưởng là phù hợp. Còn đối với yêu cầu của bà Ph về việc chia thừa kế đối với khối tài sản mà ông Ng để lại là 438,5m^2 đất thì thấy trước khi chết ông Ng đã tự nguyện tặng cho anh Đ toàn bộ phần tài sản của ông điều đó thể hiện ông Ng đã tự nguyện định đoạt đối với phần tài sản của mình để tặng cho anh Đ nên nay bà Ph yêu cầ chia phần thừa kế của ông Ng là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Đình Đ, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Ph. Sửa bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ph.

[2.3] Về chi phí tố tụng: Do chấp nhận một phần yêu cầu của bà Ph nên bà Ph và anh Đ mỗi người phải chịu 6.658.500đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận bà Ph đã nộp 13.317.000đ nên cần buộc anh Lê Đình Đphải trả cho bà Ph số tiền 6.658.500đồng, nhưng được khấu trừ số tiền mà Phương phải trả anh Đ 2.250.000 đồng giá trị tiền cây cối lâu niên trên phần đất mà bà Ph được hưởng, số tiền còn lại anh Đ phải trả cho bà Ph là 4.158.500đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Đ không được chấp nhận nên anh Đ phải chịu án phí phúc thẩm. Bà Ph không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, xử sửa bản án

sơ thẩm. Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 235, 244, 262, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ điều 166, 197, 688, 689, điểm c khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015; Căn cứ các Điều 73, 79 Luật đất đai năm 1993; Căn cứ điều 71, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Án lệ 03/2016/AL được HĐTP TANDTC thông qua ngày 06/4/2016; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Phạm Thị Ph về việc đòi anh Lê Đình Đtrả lại đất phần đất có diện tích 438,5 m^2 nằm trong thửa đất số 11, tờ bản đồ số 03, diện tích 1074 m^2 đã được UBND huyện Tiên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Đình Đnăm 1997.

2. Chia cho bà Phạm Thị Ph được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 152,5 m^2 tại thửa đất số 11, tờ bản đồ 03 toạ lạc tại thôn Phúc Nghiêm, xã Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp anh Lê Đình Đ, phía Nam giáp ngõ xóm, ông Nghiêm Xuân Tự và Ngõ Xóm, phía Đông giáp đất tập thể, phía Tây giáp anh Lê Đình Qu. Tạm giao cho bà Ph phần đất có diện tích 17,2 m^2 (Có sơ đồ chia đất kèm theo bản án sơ thẩm)

Các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục, để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật.

3. Bác yêu cầu của bà Phạm Thị Ph về chia thừa kế di sản của ông Lê Đình Ngọc, phần đất có diện tích 438,5 m^2 nằm trong thửa đất số 11, tờ bản đồ số 03, diện tích 1074 m^2 đã được UBND huyện Tiên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Đình Đnăm 1997.

3. Bà Phạm Thị Ph phải trích trả cho anh Lê Đình Đvà chị Nguyễn Thị Th số tiền là 2.250.000 đồng tiền giá trị cây trên phần đất của bà Ph được hưởng.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Phạm Thị Ph.

Anh Lê Đình Đphải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Đ đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0002175 ngày 19/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du.

Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị Ph và anh Lê Đình Đmỗi người phải chịu 6.658.500đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận bà Ph đã nộp 13.317.000đ nên cần buộc anh Lê Đình Đphải trả lại cho bà Ph số tiền 4.158.500đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- TAND huyện Tiên Du;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam